**Phụ lục 2**

**CÁC BIỂU MẪU**

*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn)*

1. Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án theo mẫu 01-ĐĐN.

2. Thuyết minh dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ theo mẫu 02-TMUDĐMCN.

3. Thuyết minh dự án về nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật theo mẫu 03-TMSXTN-NRMH.

4. Thuyết minh dự án chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật theo mẫu 04-TMCGKT-THKT.

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính trong dự án có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự theo Mẫu 05-LLCN.

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án (nếu có) theo Mẫu 06-PHTH.

6. Báo cáo tiến độ thực hiện (định kỳ hoặc đột xuất) theo mẫu 07-BCTĐ.

7. Báo cáo kết quả dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ theo mẫu 08-BCKQUDĐMCN.

8. Báo cáo kết quả dự án về nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật theo mẫu 09-BCKQSXTN-NRMH-CGCN-THKT.

9. Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định dự án theo mẫu 10-NXHĐ và Phiếu đánh giá ý kiến, chấm điểm của các thành viên Hội đồng thẩm định theo mẫu 11-PĐGHĐ. Biên bản kiểm phiếu đánh giá theo mẫu 12-KPĐG và tổng hợp phiếu đánh giá theo mẫu 13-THKPĐG.

10. Phiếu tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Tổ thẩm định kinh phí theo mẫu 14-THNXTĐKP.

11. Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng nghiệm thu theo mẫu 15-NXHĐNT và Phiếu đánh giá kết quả dự án của các thành viên Hội đồng nghiệm thu theo mẫu 16-PĐGKQDA. Phiếu chấm điểm của các thành viên Hội đồng nghiệm thu theo mẫu 17-PCĐKQDA và biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả dự án theo mẫu 18-BBKPKQDA.

12. Biên bản kiểm tra, giám sát tiến độ dự án theo mẫu 19-BBKTTĐ.

13. Phiếu cung cấp thông tin ứng dụng kết quả: thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 05 năm liên tiếp theo quy định về tình hình phát triển của mô hình, hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án,...sau khi dự án được nghiệm thu theo mẫu 20-CCTTUDKQDA.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

01-ĐĐN

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ thực hiện dự án theo Quyết định số ……..**

**Ngày…. tháng…. năm của UBND tỉnh**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

1. Tên tổ chức/người đề nghị:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax: Email:

4. Loại hình hoạt đông:

5. Họ và tên người chủ trì thực hiện:

6. Các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện: *(bao gồm các đơn vị giao và nhận chuyển giao quy trình kỹ thuật, công nghệ, máy móc thiết bị, đơn vị tư vấn, hoặc các tổ chức, cá nhân trực tiếp triển khai tại địa phương....)*

7. Tên dự án đề nghị hỗ trợ:

8. Lý do thực hiện dự án:

9. Tổng kinh phí thực hiện:

10. Kinh phí đề nghị hỗ trợ:

11. Kiến nghị của tổ chức/người đề nghị hỗ trợ:

|  |
| --- |
| .......................... *ngày*............ *tháng*.......... *năm*...............  **Tổ chức/người đề nghị**  *(Chức vụ, chữ ký, họ tên và đóng dấu, nếu có)* |
|  |

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

02- TMUDĐMCN

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**

*(Trang bìa trước)*

**Địa danh, tháng/năm**

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**

*(Trang phụ bìa)*

Tổ chức chủ trì: *(Tên tổ chức chủ trì)*

Chủ nhiệm: *(Học hàm, học vị, tên chủ nhiệm)*

**Địa danh, tháng/năm**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang xác nhận Thuyết minh dự án

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng KH&CN thẩm định tại Biên bản số:

............................................., ngày ........tháng........năm............./.

|  |
| --- |
| *An Giang, ngày …… tháng …… năm ……*  **GIÁM ĐỐC** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Trang** |

**DANH SÁCH BẢNG** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên bảng** | **Trang** |

**DANH SÁCH HÌNH** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên hình** | **Trang** |

**DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT** *(Nếu có)*

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:**

**2. Cấp quản lý:**

**3. Thời gian thực hiện:** tháng, từ tháng /20... đến tháng /20...

**4. Kinh phí dự kiến:** triệu đồng

Trong đó:

- Từ Ngân sách sự nghiệp KH&CN: triệu đồng

- Khác:

**5. Chủ nhiệm dự án:**

Họ, tên:

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Học hàm: Học vị: Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: CQ: NR: Mobile:

Địa chỉ: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

Địa chỉ nhà riêng:

**6. Thư ký Dự án:** *(nếu có)*

Họ, tên:

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Học hàm: Học vị: Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: CQ: NR: Mobile:

Địa chỉ: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

Địa chỉ nhà riêng:

**7. Tổ chức chủ trì:**

Tên tổ chức chủ trì dự án:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng:

Tên tổ chức chủ quản:

**8. Tổ chức tham gia chính:** *(nếu có)*

*8.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về quy trình kỹ thuật, công nghệ:*

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về quy trình kỹ thuật, công nghệ:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Người chịu trách nhiệm chính về quy trình kỹ thuật, công nghệ của dự án:

*8.2. Tổ chức khác:*

Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

**9. Cán bộ thực hiện Dự án:**

Ghi những người dự kiến đóng góp chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho dự án** (Số tháng quy đổi[[1]](#footnote-1)) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |

**10. Tổng quan về hiện trạng và công nghệ sản xuất thuộc lĩnh vực dự án tại địa phương:**

Giới thiệu khái quát về ngành nghề, về công nghệ tại một số đơn vị đang sản xuất của địa phương, những thuận lợi, khó khăn chung của ngành.

**II. HIỆN TRẠNG VỀ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT CỦA ĐƠN VỊ**

**1. Hiện trạng về công nghệ sản xuất:**

Sơ lược về công nghệ đang áp dụng: Vẽ sơ đồ và các thuyết minh tương ứng của qui trình công nghệ sản xuất hiện tại tại đơn vị. Nêu những hạn chế chính cần giải quyết.

**2. Hiện trạng về máy móc, thiết bị:**

- Tên máy móc, thiết bị đang sử dụng:

- Mức độ hiện đại của các máy móc, thiết bị: (1. Tuổi thiết bị hiện có; 2. Mức độ tự động: thủ công, cơ khí, bán tự động, hay tự động; 3. Xuất xứ của các loại máy móc, thiết bị: không rõ xuất xứ, trong nước, các nước đang phát triển, các nước công nghiệp mới (NIC), hay các nước tiên tiến, phát triển).

- Mức độ vận hành của các máy móc, thiết bị: (1. Khả năng vận hành hiện tại: cần thay thế, cần đại tu, có một số hỏng hóc, tương đối ổn định hay rất ổn định; 2. Tỷ lệ tiêu hao năng lượng; 3. Tỷ lệ phế phẩm; 4. Mức độ đồng bộ: thấp, trung bình, hay cao).

- Mức độ gây ô nhiễm của thiết bị và khả năng xử lý ô nhiễm môi trường của hệ thống: (thấp, trung bình, hay cao).

**3. Hiện trạng về nhân lực của đơn vị:**

- Tổng số lao động: (người), trong đó:

+ Số người có trình độ đại học trở lên:

+ Số người có trìnhđộ cao đẳng:

+ Số người có trình độ trung cấp:

+ Số lao động có đào tạo:

+ Số lao động phổ thông:

- Năng lực duy trì: (có năng lực vận hành, có thể vận hành và sửa chữa nhỏ, có năng lực sửa chữa, hay có thể lắp đặt bộ phận).

- Năng lực cải tiến và đổi mới thiết bị: (thấp, trung bình, cao).

- Năng lực cải tiến và đổi mới sản phẩm: (thấp, trung bình, cao).

**4. Hiện trạng về thông tin của đơn vị:**

- Công cụ thông tin: phần cứng: (Tỷ lệ máy tính/nhân viên, mạng nội bộ: thấp, trung bình, cao); phần mềm xử lý thông tin (thấp, cao, trung bình).

- Nhận thức thông tin bên ngoài: (Thông tin về khách hàng, thông tin về người sử dụng, thông tin về các cơ hội công nghệ, thông tin về các hoạt động cạnh tranh… như thế nào).

- Thông tin nội bộ: (Thông tin về kế hoạch; thông tin về khách hàng đến tất cả các bộ phận trong đơn vị; thông tin báo cáo từ dưới lên; thông tin về mục tiêu, chiến lược từ trên xuống; thông tin về các vấn đề được tổng kết để học tập… như thế nào, có được truyền đạt thông suốt không).

**5. Hiện trạng về tổ chức của đơn vị:**

- Sơ đồ tổ chức của đơn vị:

- Cơ chế ra quyết định: (Mức độ phân quyến, ra quyết định như thế nào).

- Phương thức quản lý nâng cao năng lực vận hành: (Có qui trình quản lý, kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động không, có áp dụng HTQLCL hoặc Công cụ nâng cao năng suất, chất lượng không nếu có cần liệt kê cụ thể).

- Phương thức quản lý nâng cao năng lực đổi mới: (Kế hoạch đầu tư, đổi mới thiết bị; kế hoạch phát triển sản phẩm mới có được thường xuyên thực hiện hay không và như thế nào).

**6. Hiện trạng về sản phẩm và nguyên liệu cho quá trình sản xuất:**

*6.1. Sản phẩm hiện tại của đơn vị:*

Tên; chất lượng như thế nào, đáp ứng tiêu chuẩn nào; tiêu thụ nội địa hay xuất khẩu; sản phẩm nào là thế mạnh, chủ lực nhất.

*6.2. Khả năng cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng của thị trường cho hoạt động sản xuất hiện tại của đơn vị:*

Từ nguồn trong nước (%), từ nguồn nước ngoài (%).

**7. Tính cấp thiết và nhu cầu nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ:**

Sự cần thiết và lý do thực hiện nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, cụ thể như: do yêu cầu của sản xuất, cạnh tranh, đáp ứng thị trường, bảo vệ môi trường…; hoặc nhằm tạo ra công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới, hoặc nhằm cải tiến qui trình sản xuất, hoặc các công đoạn sản xuất, khắc phục các nhược điểm cũng như phát huy các ưu điểm của công nghệ sản xuất hiện tại….

**III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI**

**1. Mục tiêu:** *(mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)*

Làm rõ các mục tiêu nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ của đơn vị nhằm: tăng công suất sản xuất, tiết kiệm năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất, giảm thiểu tác động đến môi trường…. ***Mục tiêu cần rõ ràng và phải đo lường được.***

**2. Nội dung dự án:**

***2.1. Giới thiệu chung về các công nghệ, thiết bị mới có liên quan hiện có trong và ngoài tỉnh:***

- Giới thiệu về xuất xứ của các công nghệ, thiết bị mới dự kiến lựa chọn áp dụng: (Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp nghiệm thu; từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ hay kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài…)

Giới thiệu và đánh giá sơ bộ về các công nghệ, thiết bị trong và ngoài nước có liên quan đến việc nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ của đơn vị (trong đó tập trung vào chi phí đầu tư, khả năng áp dụng và hiệu quả mang lại). Đính kèm phụ lục về các báo giá của những thiết bị công nghệ có liên quan.

***2.2 Đánh giá ưu, nhược điểm của công nghệ sản xuất hiện tại và nhu cầu ứng dụng, đổi mới công nghệ:***

*2.2.1. Ưu, nhược điểm của công nghệ sản xuất hiện tại:*

Đánh giá về công suất, tiêu hao năng lượng, quy trình công nghệ, chất lượng sản phẩm, đa dạng sản phẩm, chi phí sản xuất, đánh giá về khả năng đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường, yêu cầu thị trường….

*2.2.2. Mô tả công nghệ, thiết bị dự kiến áp dụng tại đơn vị:*

- Xác định các công nghệ, thiết bị dự kiến lựa chọn áp dụng: (Tên công nghệ, thiết bị; xuất xứ (đơn vị nghiên cứu, cung cấp); một số thông số kỹ thuật chính; sơ đồ, bản vẽ hoặc hình ảnh về thiết bị; qui trình vận hành, tính đồng bộ, giá cả; sản phẩm từ qui trình công nghệ mới là gì, tính năng, năng suất, chất lượng như thế nào…).

- Mô tả chi tiết công nghệ, thiết bị dự kiến thực hiện: (Giới thiệu sơ đồ qui trình công nghệ mới dự kiến thực hiện; Nêu thuyết minh chi tiết và chỉ ra các công đoạn dự kiến tiến hành thực hiện nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ).

- Đánh giá tính mới, tính ưu việt, tiên tiến của công nghệ, thiết bị mới: (Đánh giá về tính mới của công nghệ, thiết bị được lựa chọn; so sánh về một số tính năng ưu việt, tiên tiến; so sánh về một số thông số kỹ thuật chính, sự phù hợp về giá cả… so với công nghệ hiện tại và các công nghệ hiện có trên thị trường; đánh giá sự phù hợp của công nghệ mới đối với phương án sản xuất hiện tại và yêu cầu của thị trường…). ***Cần*** ***có bảng tổng hợp các chỉ tiêu so sánh.***

- Nêu mức độ phổ biến của công nghệ, thiết bị dự kiến thực hiện: (Đã có rộng rãi trên thị trường trong tỉnh, trong nước hay thế giới...).

- Xác định năng lực thực hiện của đơn vị: Đánh giá khả năng về nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận công nghệ, thiết bị, kỹ thuật mới…(đánh giá năng lực về tài chính, về con người, về cơ sở vật chất, hạ tầng… của đơn vị**). *Phần này tập trung vào năng lực của đơn vị ứng dụng đổi mới công nghệ.***

**3. Phương pháp triển khai thực hiện:**

***Nghiên cứu triển khai lắp đặt và vận hành thử nghiệm:***

- Liệt kê, mô tả nội dung, thời gian, đơn vị và nhân lực thực hiện các bước công việc: (Bao gồm tiến độ thực hiện từng công việc cụ thể: chuẩn bị mặt bằng, cơ sở vật chất; khảo sát; thiết kế, đánh giá, hoàn chỉnh thiết kế; lắp đặt, vận hành thử, đào tạo, chuyển giao công nghệ; tổ chức lại hoạt động sản xuất: nguồn nhân lực, thông tin, tổ chức vận hành ổn định, nghiệm thu…).

- Tổng thời gian thực hiện: (ghi rõ tổng thời gian thực hiện việc ứng dụng, đổi mới công nghệ là bao lâu). ***Lập bảng tiến độ thực hiện.***

**4. Dự kiến kết quả:**

*4.1. Dự kiến kết quả đạt được:*

Nêu kết quả dự kiến về sản lượng, giá thành, năng suất, chất lượng và thị trường của sản phẩm (*nên dựa vào mục tiêu thực hiện dự án).*

*4.2. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường:*

Đánh giá về hiệu quả kinh tế mang lại (ước tính được bằng tăng sản lượng hoặc bằng tiền); đánh giá khả năng, thời gian hoàn vốn; khả năng mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; khả năng cạnh tranh…

Đánh các giá tác động đến việc phát triển kinh tế, xã hội và môi trường; khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới; khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả; đánh giá những tác động đến sức khoẻ con người, môi trường sống…

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn kinh phí** | | |
| **Tự có** | **Ngân sách SNKH** | **Khác** |
| 1 | Thuê khoán chuyên môn (Bao gồm viết Dự án, báo cáo, con người thực hiện…) |  |  |  |  |
| 2 | Nguyên vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, năng lượng… |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc chuyên dùng (thuê, khấu hao hoặc mua sắm, lắp đặt…) |  |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ |  |  |  |  |
| 5 | Chi khác (công tác phí; quản lý cơ sở; chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu; Hội thảo, hội nghị, in ấn, phụ cấp chủ nhiệm…) |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |

**V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận:**

**2: Kiến nghị:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm dự án**  *(Họ tên, chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì dự án**  *(Chức vụ, họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO** *(Nếu có)*

Phân biệt tài liệu Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài; xếp theo thứ tự a, b, c theo họ tác giả (Tiếng Việt) hoặc tên tác giả (Tiếng nước ngoài), tên cơ quan/đơn vị

*Ví dụ:*

**Tiếng Việt**

1. Cục Thống kê tỉnh An Giang, *Niên giám thống kê năm 2009,* An Giang, 2010.
2. Lê Thanh Phong, *Bài giảng môn học Tin học ứng dụng,* Tài liệu dành cho học viên Cao học, Khoa NN&SHƯD - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 2010.
3. Lê Thanh Phong và Nguyễn Bảo Vệ, *Vai trò của Calcium trong việc tăng năng suất và phẩm chất đậu phộng (Archis hypogaea L.) trên vùng đất cát bảy núi – An Giang,* Trang thông tin Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, An Giang, 12/2010.
4. Lê Văn Khoa, *Các loại đất chính ở ĐBSCL,* Giáo trình Thổ nhưỡng, Khoa Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 1998.
5. Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, *Kỹ thuật trồng đậu phộng,* Tài liệu khuyến nông, An Giang, 2010.
6. Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ bức xạ, *GAM-Sorb: Phân bón kết hợp giữ ẩm,* Tài liệu hướng dẫn sử dụng, TP. HCM, 2007.
7. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ An Giang, *Thử nghiệm chế phẩm giữ ẩm cho đất canh tác trên địa bàn tỉnh An Giang,* Báo cáo tổng kết kế hoạch, An Giang, 2008.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, *Điều kiện tự nhiên,* Cổng thông tin điện tử, An Giang, 2008.
9. Võ Tòng Anh, Võ Tòng Xuân, Phạm Văn Quang, Nguyễn Văn Kiền, Dương Văn Nhã, Nguyễn Hoàng Quân, Phạm Xuân Phú, Huỳnh Ngọc Đức, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Văn Hiếu, Phạm Duy Tiễn, Phạm Ngọc Duyên, Lý Ngọc Thanh Xuân và Nguyễn Thị Ngọc Giang, *Chỉnh lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang tỷ lệ 1:100.000,* Báo cáo tổng kết đề tài, Trường Đại học An Giang, An Giang, 2006.

**Tiếng Anh**

1. Bai W., H. Zhang, B. Liu, Y. Wu and J. Song, *Effects of super-absorbent polymers on the physical and chemical properties of soil following different wetting and drying cycles,* British Society of Soil Science, [Volume 26 (Issue 3), England,](file:///E:\doi\10.1111\sum.2010.26.issue-3\issuetoc) pages 253–260, 2010.
2. Sackmann G., R.W. Meyer, S. Korte and S. Schapowalow, *Super absorbent polymers,* United States Patent (5,896,890), USA, 1996.
3. Wikipedia, *USDA and UK-ADAS textural triangle,* Download from <http://en.wikipedia.org/wiki/File:USDA_and_UK-ADAS_textural_triangle.jpg>, 2011.

**PHỤ LỤC**

*(Đính kèm các văn bản, tài liệu, hình ảnh, biểu mẫu, giấy tờ liên quan, nếu có)*

03-TMSXTN-NRMH

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM HOẶC NHÂN RỘNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT HIỆU QUẢ**

*(Trang bìa trước)*

**Địa danh, tháng/năm**

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM HOẶC NHÂN RỘNG**

**MÔ HÌNH SẢN XUẤT HIỆU QUẢ**

*(Trang phụ bìa)*

Tổ chức chủ trì: *(Tên tổ chức chủ trì)*

Chủ nhiệm: *(Học hàm, học vị, tên chủ nhiệm)*

**Địa danh, tháng/năm**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang xác nhận Thuyết minh dự án

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng KH&CN thẩm định tại Biên bản số:

............................................., ngày ........tháng........năm............./.

|  |
| --- |
| *An Giang, ngày …… tháng …… năm ……*  **GIÁM ĐỐC** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Trang** |

**DANH SÁCH BẢNG** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên bảng** | **Trang** |

**DANH SÁCH HÌNH** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên hình** | **Trang** |

**DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT** *(Nếu có)*

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:**

**2. Cấp quản lý:**

**3. Thời gian thực hiện:** tháng, từ tháng /20... đến tháng /20...

**4. Kinh phí dự kiến:** triệu đồng

Trong đó:

- Từ Ngân sách sự nghiệp KH&CN: triệu đồng

- Khác:

**5. Chủ nhiệm dự án:**

Họ, tên:

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Học hàm: Học vị: Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: CQ: NR: Mobile:

Địa chỉ: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

Địa chỉ nhà riêng:

**6. Thư ký Dự án:***(nếu có)*

Họ, tên:

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Học hàm: Học vị: Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: CQ: NR: Mobile:

Địa chỉ: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

Địa chỉ nhà riêng:

**7. Tổ chức chủ trì:**

Tên tổ chức chủ trì dự án:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng:

Tên tổ chức chủ quản:

**8. Tổ chức tham gia chính:** *(nếu có)*

*8.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về quy trình kỹ thuật, công nghệ:*

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về quy trình kỹ thuật, công nghệ:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Người chịu trách nhiệm chính về quy trình kỹ thuật, công nghệ của dự án:

*8.2. Tổ chức khác:*

Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

**9. Cán bộ thực hiện Dự án:**

Ghi những người dự kiến đóng góp chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho dự án** (Số tháng quy đổi[[2]](#footnote-2)) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |

**10. Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án:**

*10.1. Xuất xứ:*

Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của nhiệm vụ KH&CN đã được Hội đồng KH&CN các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình KH&CN cấp tỉnh/Nhà nước (nếu có), mã số (nếu có), ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);

- Kết quả nghiên cứu khoa học vàphát triển công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao quy trình kỹ thuật, công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan).

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác;

- Từ mô hình sản xuất hiệu quả đã được chứng minh qua thực tiễn.

*10.2. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, môi trường, an ninh,...:*

Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng....

*10.3. Năng lực của các tổ chức tham gia chính trong dự án và tính cấp thiết để thực hiện dự án:*

Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, quy trình kỹ thuật, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro,....

*10.4. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án:*

Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao quy trình kỹ thuật, công nghệ; ươm tạo, thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,....

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI**

**1. Mục tiêu:** *(mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể)*

Nêu rõ mục tiêu của Dự án sản xuất [[3]](#footnote-3) hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (về Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất,...) và mục tiêu của Dự án sản xuất thử nghiệm (về Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm...). ***Mục tiêu cần rõ ràng và phải đo lường được.***

**2. Nội dung:**

*2.1. Mô tả quy trình kỹ thuật, công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình kỹ thuật, công nghệ để triển khai trong dự án*

*Làm rõ về quy trình kỹ thuật, công nghệ lựa chọn của dự án:*

Tính mới, ưu việt, tiên tiến của quy trình kỹ thuật, công nghệ; trình độ quy trình kỹ thuật, công nghệ so với quy trình kỹ thuật, công nghệ hiện có ở tỉnh, ở Việt Nam; khả năng triển khai quy trình kỹ thuật, công nghệ trong nước; tính phù hợp của quy trình kỹ thuật, công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,....

*2.2. Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về quy trình kỹ thuật, công nghệ:*

Hiện trạng của quy trình kỹ thuật, công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra quy trình kỹ thuật, công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình quy trình kỹ thuật, công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định quy trình kỹ thuật, công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm.

*2.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện:*

Để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án.

*2.4. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án:*

Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của quy trình kỹ thuật, công nghệ,....

**3. Phương án triển khai:**

*3.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:*

3.1.1.Phương thức tổ chức thực hiện:

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện quy trình kỹ thuật, công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện quy trình kỹ thuật, công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và quy trình kỹ thuật, công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện quy trình kỹ thuật, công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...

3.1.2. Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;......);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học quy trình kỹ thuật, công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục).

*3.2 Phương án tài chính:*

Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7 (đính kèm).

*3.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án:*

Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục theo bảng 3-5 và phụ lục 9 (đính kèm).

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn quy trình kỹ thuật, công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

**4. Sản phẩm dự kiến:** *(cần bám sát mục tiêu dự án)*

Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài:

(i) Dây chuyền quy trình kỹ thuật, công nghệ, các thiết bị, quy trình quy trình kỹ thuật, công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật);

(ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

(iii) Ấn phẩm;

(iv) Đào tạo cán bộ;

(v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng).

**5. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc:**

*5.1 Phương thức triển khai:*

Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây:

(i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp;

(ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án;

(iii) Liên doanh, liên kết;

(iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh;

(v) Hình thức khác: Nêu rõ.

*5.2 Quy mô sản xuất:*

Quy trình kỹ thuật, công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...

*5.3 Tổng số vốn của dự án sản xuất:*

**6. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường:**

Đánh giá về hiệu quả kinh tế mang lại (giảm giá thành, giảm nhập khẩu nguyên vật liệu và tăng sản lượng, chất lượng, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm); đánh giá khả năng, thời gian hoàn vốn; khả năng mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; khả năng cạnh tranh, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường...

Đánh giá tác động đến việc phát triển kinh tế, xã hội và môi trường; khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới; khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả; đánh giá những tác động đến sức khoẻ con người, môi trường sống…

**III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ quy trình kỹ thuật, công nghệ + Vốn lưu động.

- Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:

(i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại);

(ii) Thiết bị, máy móc mua mới;

(iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại);

(iv) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

- Vốn lưu động:Chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

- Kinh phí hỗ trợ quy trình kỹ thuật, công nghệ:Chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nguồn vốn** | **Tổng cộng** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Vốn cố định** | | **Kinh phí hỗ trợ quy trình kỹ thuật, công nghệ** | **Vốn lưu động** | | | |
| **Thiết bị, máy móc mua mới** | **Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo** | **Chi phí lao động** | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | **Thuê thiết bị, nhà xưởng** | **Khác** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| ***1*** | ***Ngân sách SNKH:***  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Các nguồn vốn khác***  2.1 Vốn tự có của  cơ sở:  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - Năm thứ ba:  2.2 Khác (vốn huy động, ...)  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**(Trong thời gian thực hiện Dự án)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Tổng số chi phí** *(1.000 đ)* | **Trong đó theo sản phẩm** | | | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **A** | **Chi phí trực tiếp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu, bao bì |  |  |  |  | Phụ lục 1 |
| 2 | Điện, nước, xăng dầu |  |  |  |  | Phụ lục 2 |
| 3 | Chi phí lao động |  |  |  |  | Phụ lục 6 |
| 4 | Sửa chữa, bảo trì thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| 5 | Chi phí quản lý |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| **B** | **Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định** |  |  |  |  |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị cho dự án  - Khấu hao thiết bị cũ  - Khấu hao thiết bị mới |  |  |  |  | Phụ lục 3 |
| 7 | Khấu hao nhà xưởng cho dự án  - Khấu hao nhà xưởng cũ  - Khấu hao nhà xưởng mới |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 8 | Thuê thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 3 |
| 9 | Thuê nhà xưởng |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 10 | Phân bổ chi phí hỗ trợ quy trình kỹ thuật, công nghệ |  |  |  |  | Phụ lục 4 |
| 11 | Tiếp thị, quảng cáo |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| 12 | Khác (trả lãi vay, các loại phí,...) |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| - Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B): | |  |  |  |  |  |
| - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm: | |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định: tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- Chi phí hỗ trợ quy trình kỹ thuật, công nghệ: được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**(Cho thời gian thực hiện dự án)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Giá bán dự kiến**  *(1.000 đ)* | **Thành tiền**  *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 4. Tổng doanh thu**(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá**  *(1.000 đ)* | **Thành tiền**  *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án** (cho 1 năm đạt 100% công suất)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thành tiền** *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* |
| 1 | Tổng vốn đầu tư cho Dự án |  |
| 2 | Tổng chi phí, trong một năm |  |
| 3 | Tổng doanh thu, trong một năm |  |
| 4 | Lãi gộp (3) - (2) |  |
| 5 | Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí) |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ quy trình kỹ thuật, công nghệ trong 1 năm |  |
| 7 | Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính) |  |
| 8 | Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính) |  |
| 9 | Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính) |  |

***Chú thích:***

- Tổng vốnđầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ quy trình kỹ thuật, công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

**Thời gian thu hồi vốn T** = = .... **năm**

**Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư** = = .... = ..... **%**;

**Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu** = = ... = ... **%;**

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận:**

**2: Kiến nghị:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm dự án**  *(Họ tên, chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì dự án**  *(Chức vụ, họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO** *(Nếu có)*

Phân biệt tài liệu Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài; xếp theo thứ tự a, b, c theo họ tác giả (Tiếng Việt) hoặc tên tác giả (Tiếng nước ngoài), tên cơ quan/đơn vị

*Ví dụ:*

**Tiếng Việt**

1. Cục Thống kê tỉnh An Giang, *Niên giám thống kê năm 2009,* An Giang, 2010.
2. Lê Thanh Phong, *Bài giảng môn học Tin học ứng dụng,* Tài liệu dành cho học viên Cao học, Khoa NN&SHƯD - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 2010.
3. Lê Thanh Phong và Nguyễn Bảo Vệ, *Vai trò của Calcium trong việc tăng năng suất và phẩm chất đậu phộng (Archis hypogaea L.) trên vùng đất cát bảy núi – An Giang,* Trang thông tin Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, An Giang, 12/2010.
4. Lê Văn Khoa, *Các loại đất chính ở ĐBSCL,* Giáo trình Thổ nhưỡng, Khoa Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 1998.
5. Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, *Kỹ thuật trồng đậu phộng,* Tài liệu khuyến nông, An Giang, 2010.
6. Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ bức xạ, *GAM-Sorb: Phân bón kết hợp giữ ẩm,* Tài liệu hướng dẫn sử dụng, TP. HCM, 2007.
7. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ An Giang, *Thử nghiệm chế phẩm giữ ẩm cho đất canh tác trên địa bàn tỉnh An Giang,* Báo cáo tổng kết kế hoạch, An Giang, 2008.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, *Điều kiện tự nhiên,* Cổng thông tin điện tử, An Giang, 2008.
9. Võ Tòng Anh, Võ Tòng Xuân, Phạm Văn Quang, Nguyễn Văn Kiền, Dương Văn Nhã, Nguyễn Hoàng Quân, Phạm Xuân Phú, Huỳnh Ngọc Đức, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Văn Hiếu, Phạm Duy Tiễn, Phạm Ngọc Duyên, Lý Ngọc Thanh Xuân và Nguyễn Thị Ngọc Giang, *Chỉnh lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang tỷ lệ 1:100.000,* Báo cáo tổng kết đề tài, Trường Đại học An Giang, An Giang, 2006.

**Tiếng Anh**

1. Bai W., H. Zhang, B. Liu, Y. Wu and J. Song, *Effects of super-absorbent polymers on the physical and chemical properties of soil following different wetting and drying cycles,* British Society of Soil Science, [Volume 26 (Issue 3), England,](file:///E:\doi\10.1111\sum.2010.26.issue-3\issuetoc) pages 253–260, 2010.
2. Sackmann G., R.W. Meyer, S. Korte and S. Schapowalow, *Super absorbent polymers,* United States Patent (5,896,890), USA, 1996.
3. Wikipedia, *USDA and UK-ADAS textural triangle,* Download from <http://en.wikipedia.org/wiki/File:USDA_and_UK-ADAS_textural_triangle.jpg>, 2011.

**PHỤ LỤC**

**Phụ lục-TMDA**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN**

*(Theo nội dung chi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| **Tổng số** | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | Thiết bị, máy móc mua mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí lao động |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nguyên vật liệu năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuê thiết bị, nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt*

**Phụ lục 1-TMDA**

**NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | Nguyên, vật liệu chủ yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Nguyên, vật liệu phụ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Phụ lục 2-TMDA**

**NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | ***Về điện :*** | *kW/h* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Điện sản xuất:  Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | ***Về nước:*** | *m3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ***Về xăng dầu :*** | *Lít* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho thiết bị sản xuất .............. tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho phương tiện vận tải ......... tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Phụ lục 3a-TMDA**

**YÊU CẦU VỀTHIẾT BỊ, MÁY MÓC**

*Đơn vị: Triệu đồng*

**A. Thiết bị hiện có** *(tính giá trị còn lại)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| I | **Thiết bị công nghệ** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| II | **Thiết bị thử nghiệm, đo lường** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Phụ lục 3b-TMDA**

**YÊU CẦU VỀTHIẾT BỊ, MÁY MÓC**

**B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Mua thiết bị công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Mua bằng sáng chế, bản quyền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Mua phần mềm máy tính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *6* |  | Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 4-TMDA**

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Chi phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **A** |  | **Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | - Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | - Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | .......... |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  | **Chi phí đào tạo công nghệ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - Cán bộ công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - Công nhân vận hành |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ......... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 5-TMDA**

**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

*Đơn vị: Triệu đồng*

**A. Nhà xưởng đã có** (giá trị còn lại)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng A:** |  |  |  |  |

**B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo** *Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| 1 |  | Xây dựng nhà xưởng mới |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Chi phí sửa chữa cải tạo |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Chi phí lắp đặt hệ thống điện |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Chi phí lắp đặt hệ thống nước |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng B:** |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 6-TMDA**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Số người** | **Số tháng** | **Chi phí**  **tr. đ/ người/**  **tháng** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Chủ nhiệm Dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Kỹ sư |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Nhân viên kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Công nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 7-TMDA**

**CHI KHÁC CHO DỰ ÁN**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục chi | Nội dung | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 |  | **Công tác phí**  - Trong nước  - Ngoài nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | **Quản lý phí**  - Quản lý hành chính thực hiện dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | **Sửa chữa, bảo trì thiết bị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:  - Chi phí kiểm tra trung gian  - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | **Chi khác:**  - Hội thảo, hội nghị,  - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ,  - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm  - Báo cáo tổng kết,  - In ấn,  - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\* *Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

**Phụ lục 8-TMDA**

**KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | Tháng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | . . . |
| 1 | Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hoàn thiện công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chế tạo, mua thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Lắp đặt thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Đào tạo công nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Sản xuất thử nghiệm (các đợt) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thử nghiệm mẫu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Hiệu chỉnh công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Đánh giá nghiệm thu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 9-TMDA**

**VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG**

**I.Nhu cầu thị trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*** | | | **Chú thích** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**II*.* Phương án sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng sản xuất trong năm:** | | | **Tổng số** | **Cơ sở tiêu thụ** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm và  chỉ tiêu chất lượng chủ yếu** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Ghi chú** |
| **Cần đạt** | **Tương tự mẫu** | |
| **Trong nước** | **Thế giới** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

*(Đính kèm các văn bản, tài liệu, hình ảnh, biểu mẫu, giấy tờ liên quan, nếu có)*

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

04-TMCGKT-THKT

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**HOẶC TẬP HUẤN KỸ THUẬT**

*(Trang bìa)*

**Địa danh, tháng/năm**

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**HOẶC TẬP HUẤN KỸ THUẬT**

*(Trang phụ bìa)*

Tổ chức chủ trì: *(Tên tổ chức chủ trì)*

Chủ nhiệm: *(Học hàm, học vị, tên chủ nhiệm)*

**Địa danh, tháng/năm**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang xác nhận Thuyết minh dự án

...........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng KH&CN thẩm định tại Biên bảnsố:

............................................., ngày ........tháng........năm............./.

|  |
| --- |
| *An Giang, ngày …… tháng …… năm ……*  **GIÁM ĐỐC** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Trang** |

**DANH SÁCH BẢNG** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên bảng** | **Trang** |

**DANH SÁCH HÌNH** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên hình** | **Trang** |

**DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT** *(Nếu có)*

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:**

**2. Cấp quản lý:**

**3. Thời gian thực hiện:** tháng, từ tháng /20... đến tháng /20...

**4. Kinh phí dự kiến:** triệu đồng

Trong đó:

- Từ Ngân sách sự nghiệp KH&CN: triệu đồng

- Khác:

**5. Chủ nhiệm dự án:**

Họ, tên:

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Học hàm: Học vị: Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: CQ: NR: Mobile:

Địa chỉ: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

Địa chỉ nhà riêng:

**7.Thư ký Dự án:***(nếu có)*

Họ, tên:

Ngày tháng năm sinh: Giới tính:

Học hàm: Học vị: Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: CQ: NR: Mobile:

Địa chỉ: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

Địa chỉ nhà riêng:

**8. Tổ chức chủ trì:**

Tên tổ chức chủ trì dự án:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng:

Tên tổ chức chủ quản:

**9. Tổ chức tham gia chính:**

*9.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về quy trình kỹ thuật, công nghệ:*

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về quy trình kỹ thuật, công nghệ:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Người chịu trách nhiệm chính về quy trình kỹ thuật, công nghệ của dự án:

*9.2. Tổ chức khác: (nếu có)*

Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ: E-mail: Website:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

**10. Cán bộ thực hiện Dự án:**

Ghi những người dự kiến đóng góp chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho dự án** (Số tháng quy đổi[[4]](#footnote-4)) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |

**11. Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án:**

*11.1.Hiện trạng về quy trình kỹ thuật, công nghệ đang áp dụng:*

Mô tả quy trình kỹ thuật, công nghệ; nêu ưu, hạn chế.

*11.2. Làm rõ về quy trình kỹ thuật, công nghệ lựa chọn của dự án:*

- Xuất xứ của dự án: ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

+ Từ kết quả của nhiệm vụ KH&CN đã được Hội đồng KH&CN các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên nhiệm vụ, thuộc Chương trình KH&CN cấp tỉnh/Nhà nước (nếu có), mã số (nếu có), ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);

+ Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);

+ Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao quy trình kỹ thuật, công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan).

+ Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.

- Làm rõ tính mới, ưu việt, tiên tiến của quy trình kỹ thuật, công nghệ; trình độ quy trình kỹ thuật, công nghệ so với quy trình kỹ thuật, công nghệ hiện có ở tỉnh, ở Việt Nam; khả năng triển khai quy trình kỹ thuật, công nghệ trong nước; tính phù hợp của quy trình kỹ thuật, công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,....

*11.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, môi trường, an ninh,...:*

Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng....

*11.4.Năng lực thực hiện dự án:*

Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, quy trình kỹ thuật, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro,....

*11.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án:*

Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao quy trình kỹ thuật, công nghệ; ươm tạo, thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,....

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI**

**1. Mục tiêu:** *(mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể)*

Nêu rõ mục tiêu của chuyển giao công nghệ hoặc tập huấn kỹ thuật nhằm mục đích gì (nâng cao năng suất, chất lượng, tay nghề, kỹ năng…) trong hoạt động sản xuất, trong quản trị. ***Mục tiêu cần rõ ràng và phải đo lường được.***

**2. Nội dung:**

Nêu những nội dung và các bước công việc cụ thể, những vấn đề trọng tâm mà dự án cần triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu**.**

*Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của kết quả dự án:*

Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của quy trình kỹ thuật, công nghệ,....

**3. Phương án triển khai:**

Nêu cách thức tổ chức thực hiện, địa điểm triển khai, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên vật liệu… phục vụ cho quá trình triển khai dự án.

*3.1. Phương án tổ chức thực hiện:*

Mô tả, phân tích các điều kiện về:

- Địa điểm thực hiện dự án: nêu địa danh cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về mặt chọn địa điểm triển khai; nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m2), dự kiến cải tạo, mở rộng,..;

- Môi trường (nêu sơ bộ về tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

- Vật tư, thiết bị chủ yếu đảm bảo cho dự án thực hiện (sẵn có trong nước, phải nhập ngoại,..);

- Nhân lực triển khai dự án: số cán bộ KHCN đúng chuyên môn, số lượng kỹ thuật viên và công nhân lành nghề, nhu cầu đào tạo phục vụ cho mô hình(dự án), cụ thể như: số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân.

*3.2. Phương án tài chính:*

Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dựa trên cơ sở:

- Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động;

- Việc huy động và phân bổ các nguồn vốn tham gia dự án, nêu rõ cơ sở pháp lý của việc huy động các nguồn vốn và phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.

- Giá thành sản phẩm theo từng chủng loại sản phẩm, thời gian thu hồi vốn.

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án sau khi nhận chuyển giao công nghệ.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7.

*3.3. Phương án tiêu thụ sản phẩm, quảng bá công nghệ để thị trường hóa kết quả của dự án, giải trình và làm rõ thêm cho các bảng tính toán và phụ lục kèm theo:**(nếu có)*

- Giá sản phẩm dự kiến (so sánh với giá nhập, giá thị trường trong nước hiện tại và giá dự kiến cho những năm tới).

- Thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm của dự án, các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của dự án.

- Khả năng tham gia của các cơ quan tiếp nhận sản phẩm vào quá trình thực hiện dự án, cụ thể như về: tài chính, nhân lực, vật lực, khả năng phối hợp thực hiện.

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

**III. KẾT QUẢ DỰ KIẾN**

**1. Sản phẩm của dự án:** *(bám sát mục tiêu dự án)*

Nêu kết quả dự kiến về sản lượng, giá thành, năng suất, chất lượng, thị trường của sản phẩm do ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới mang lại (nếu có); số lượng lớp và số học viên tham gia. Số lượng tổ chức cá nhân được đào tạo áp dụng vào thực tế.

**2. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường:**

Nêu những hiệu quả về tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường. Đánh giá về hiệu quả kinh tế mang lại (ước tính được bằng tăng sản lượng hoặc bằng tiền); đánh giá khả năng, thời gian hoàn vốn; khả năng mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; khả năng cạnh tranh.

**3. Tác động đến kinh tế, xã hội và môi trường:**

Đánh các giá tác động đến việc phát triển kinh tế xã hội, môi trường; khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới; khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả; đánh giá những tác động đến sức khoẻ con người, môi trường sống…từ việc nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ của đơn vị.

**IV. KINH PHÍ**

Nêu tất cả các chi phí có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

***Bảng 1:* Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn vốn** | **Tổng cộng**  *(triệu đồng)* | **Trong đó** | | | | | | |
| **Vốn cố định** | | | **Vốn lưu động\*** | | | |
| Thiết bị, máy móc mua mới | Hoàn thiện công nghệ | Nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) | Lương  thuê  khoán | Nguyên  vật liệu,  năng lượng | Khấu hao thiết bị, nhà xưởng đã có;  thuê thiết bị | Khác  *(công tác phí, quản lý phí, kiểm tra, nghiệm thu...)* |
| 1 | Ngân sách SNKH |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Vốn vay tín dụng |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Vốn tự có của cơ sở |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nguồn vốn khác |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

***\* Vốn lưu động:*** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất tiếp theo.

***Bảng 2:* Tổng chi phí và giá thành sản phẩm** *(trong thời gian thực hiện dự án, nếu có)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T**  **T** | **Nội dung** | **Tổng số chi phí**  ***(1000 đ)*** | **Trong đó theo sản phẩm** | | | **Ghi chú** |
| **A**  1  2  3  4  5 | **Tổng chi phí sản xuất**  Nguyên vật liệu, bao bì  Điện, nước, xăng dầu  Lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội + Thuê khoán chuyên môn  Sửa chữa, bảo trì thiết bị,  Chi phí quản lý |  |  |  |  | Phụ lục 1  Phụ lục 2  Phụ lục 6  Phụ lục 7  Phụ lục 7 |
| **B**  7  8  9  10 | **Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**  Khấu hao thiết bị  - Khấu hao thiết bị cũ  - Khấu hao thiết bị mới  - Thuê thiết bị (nếu có)  Khấu hao nhà xưởng  - Khấu hao nhà xưởng cũ  - Khấu hao nhà xưởng mới  Phân bổ chi phí hoàn thiện công nghệ và đào tạo  Tiếp thị, quảng cáo, khác |  |  |  |  | Phụ lục 3  Phụ lục 5  Phụ lục 4  Phụ lục 7 |
| - Tổng chi phí sản xuất (A+B):  - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm: | |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

*- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

*- Chi phí hoàn thiện công nghệ:* được phân bổ theo thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử (02 năm) và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tổng cộng khoảng 03 năm).

***Bảng 3:* Tổng doanh thu** *(cho thời gian thực hiện dự án, nếu có)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá**  ***(1000 đ)*** | **Thành tiền**  ***(1000 đ)*** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1  2  3  ... |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | | |  |

***Bảng 4:* Tổng doanh thu** *(cho 1 năm đạt 100% công suất, nếu có):*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá**  ***(1000 đ)*** | **Thành tiền**  ***(1000 đ)*** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1  2  3  ... |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | | |  |

***Bảng 5:* Tính toán hiệu quả kinh tế** *(cho 1 năm đạt 100% công suất, nếu có)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thành tiền**  ***(1000 đ)*** |
| 1 | 2 | 3 |
| 1  2  3  4  5  6  7 | Tổng vốn đầu tư cho mô hình (dự án)  Tổng chi phí, trong một năm  Tổng doanh thu, trong một năm  Lãi gộp (3) - (2)  Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay)  Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hoàn thiện công nghệ trong 1 năm  Thời gian thu hồi vốn T (năm) |  |

**Chú thích:** Tổng vốnđầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá thành của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hoàn thiện công nghệ và đào tạo

**Thời gian thu hồi vốn T** = = .... **năm**

**Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư** = = .... = ..... **%**;

**Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu** = = ... = ... **%;**

**V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận:**

**2. Kiến nghị:**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày....tháng....năm 200...  **Chủ nhiệm Dự án**  *(Họ tên, chữ ký)* | Ngày....tháng....năm 200...  **Cơ quan chủ trì Dự án**  *(Chức vụ, họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Phân biệt tài liệu Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài; xếp theo thứ tự a, b, c theo họ tác giả (Tiếng Việt) hoặc tên tác giả (Tiếng nước ngoài), tên cơ quan/đơn vị

*Ví dụ:*

**Tiếng Việt**

1. Cục Thống kê tỉnh An Giang, *Niên giám thống kê năm 2009,* An Giang, 2010.
2. Lê Thanh Phong, *Bài giảng môn học Tin học ứng dụng,* Tài liệu dành cho học viên Cao học, Khoa NN&SHƯD - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 2010.
3. Lê Thanh Phong và Nguyễn Bảo Vệ, *Vai trò của Calcium trong việc tăng năng suất và phẩm chất đậu phộng (Archis hypogaea L.) trên vùng đất cát bảy núi – An Giang,* Trang thông tin Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, An Giang, 12/2010.
4. Lê Văn Khoa, *Các loại đất chính ở ĐBSCL,* Giáo trình Thổ nhưỡng, Khoa Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 1998.
5. Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, *Kỹ thuật trồng đậu phộng,* Tài liệu khuyến nông, An Giang, 2010.
6. Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ bức xạ, *GAM-Sorb: Phân bón kết hợp giữ ẩm,* Tài liệu hướng dẫn sử dụng, TP. HCM, 2007.
7. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ An Giang, *Thử nghiệm chế phẩm giữ ẩm cho đất canh tác trên địa bàn tỉnh An Giang,* Báo cáo tổng kết kế hoạch, An Giang, 2008.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, *Điều kiện tự nhiên,* Cổng thông tin điện tử, An Giang, 2008.
9. Võ Tòng Anh, Võ Tòng Xuân, Phạm Văn Quang, Nguyễn Văn Kiền, Dương Văn Nhã, Nguyễn Hoàng Quân, Phạm Xuân Phú, Huỳnh Ngọc Đức, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Văn Hiếu, Phạm Duy Tiễn, Phạm Ngọc Duyên, Lý Ngọc Thanh Xuân và Nguyễn Thị Ngọc Giang, *Chỉnh lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang tỷ lệ 1:100.000,* Báo cáo tổng kết đề tài, Trường Đại học An Giang, An Giang, 2006.
10. Vũ Công Hậu, Ngô Thế Dân và Trần Thị Dung, *Cây lạc (đậu phụng),* NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 1995.

**Tiếng Anh**

1. Bai W., H. Zhang, B. Liu, Y. Wu and J. Song, *Effects of super-absorbent polymers on the physical and chemical properties of soil following different wetting and drying cycles,* British Society of Soil Science, [Volume 26 (Issue 3), England,](file:///E:\doi\10.1111\sum.2010.26.issue-3\issuetoc) pages 253–260, 2010.
2. Sackmann G., R.W. Meyer, S. Korte and S. Schapowalow, *Super absorbent polymers,* United States Patent (5,896,890), USA, 1996.
3. Wikipedia, *USDA and UK-ADAS textural triangle,* Download from <http://en.wikipedia.org/wiki/File:USDA_and_UK-ADAS_textural_triangle.jpg>, 2011.

**PHỤ LỤC**

**Phụ lục-TMDA**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN**

*(Theo nội dung chi, nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| **Tổng số** | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | Thiết bị, máy móc mua mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ chuyển giao công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí lao động |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nguyên vật liệu năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuê thiết bị, nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 1**

**NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo, nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi\** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | Nguyên, vật liệu chủ yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Nguyên, vật liệu phụ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 2-TMDA**

**NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo, nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | ***Về điện :*** | *kW/h* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Điện sản xuất:  Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | ***Về nước:*** | *m3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ***Về xăng dầu :*** | *Lít* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho thiết bị sản xuất .............. tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho phương tiện vận tải ......... tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 3a-TMDA**

**YÊU CẦU VỀTHIẾT BỊ, MÁY MÓC** *(nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

**A. Thiết bị hiện có** *(tính giá trị còn lại)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| I | **Thiết bị công nghệ** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| II | **Thiết bị thử nghiệm, đo lường** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Phụ lục 3b-TMDA**

**YÊU CẦU VỀTHIẾT BỊ, MÁY MÓC** *(nếu có)*

**B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Mua thiết bị công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Mua bằng sáng chế, bản quyền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Mua phần mềm máy tính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *6* |  | Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

**Phụ lục 4-TMDA**

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ** *(nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Chi phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **A** |  | **Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | - Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | - Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | .......... |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  | **Chi phí đào tạo công nghệ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - Cán bộ công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - Công nhân vận hành |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ......... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 5-TMDA**

**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG** *(nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

**A.Nhà xưởng đã có** (giá trị còn lại)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng A:** |  |  |  |  |

**B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo** *Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| 1 |  | Xây dựng nhà xưởng mới |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Chi phí sửa chữa cải tạo |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Chi phí lắp đặt hệ thống điện |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Chi phí lắp đặt hệ thống nước |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng B:** |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 6-TMDA**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo, nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Số người** | **Số tháng** | **Chi phí**  **tr. đ/ người/**  **tháng** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | Năm thứ nhất\* | Năm thứ hai\* | Năm thứ ba\* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Chủ nhiệm Dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Kỹ sư |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Nhân viên kỹ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Công nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 7-TMDA**

**CHI KHÁC CHO DỰ ÁN**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục chi | Nội dung | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định \** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 |  | **Công tác phí**  - Trong nước  - Ngoài nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | **Quản lý phí**  - Quản lý hành chính thực hiện dự án |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | **Sửa chữa, bảo trì thiết bị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:  - Chi phí kiểm tra trung gian  - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | **Chi khác:**  - Hội thảo, hội nghị,  - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ,  - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm  - Báo cáo tổng kết,  - In ấn,  - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 8-TMDA**

**KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Tháng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | . . . |
| 1 | Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hoàn thiện công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chế tạo, mua thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Lắp đặt thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Đào tạo công nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Sản xuất thử nghiệm (các đợt) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thử nghiệm mẫu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Hiệu chỉnh công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Đánh giá nghiệm thu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 9-TMDA**

**VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG** *(nếu có)*

**I.Nhu cầu thị trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*** | | | **Chú thích** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**II*.* Phương án sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng sản xuất trong năm:** | | | **Tổng số** | **Cơ sở tiêu thụ** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm và  chỉ tiêu chất lượng chủ yếu** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Ghi chú** |
| **Cần đạt** | **Tương tự mẫu** | |
| **Trong nước** | **Thế giới** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ và điểm đánh giá** | | | |
| 1/ Chất lượng của tài liệu tập huấn | Kém | Trung bình | Khá | Tốt |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 2/ Mức độ phù hợp của tài liệu tập huấn đối với học viên | Không phù hợp | Ít phù hợp | Phù hợp | Rất phù hợp |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 3/ Số lượng tài liệu tập huấn | Quá ít | Ít | Vừa | Nhiều |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 4/ Phương pháp giảng dạy | Kém | Trung bình | Giúp hiểu bài | Hay |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 5/ Thời gian tập huấn | Không hợp lý | Trung bình | Hợp lý | Rất hợp lý |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 6/ Về tổ chức lớp tập huấn | Kém | Trung bình | Khá | Tốt |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 7/ Mức độ hiểu bài của học viên | Khó hiểu | Trung bình | Khá | Tốt |
| 1 | 2 | 3 | 4 |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC VIÊN**

**Yêu cầu**: học viên đánh dấu (X) vào ô điểm được chọn

Những điều không hợp lý từ lớp tập huấn:

Những điều hay từ lớp tập huấn:

Ý kiến đóng góp của học viên:

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ và điểm đánh giá** | | | |
| 1/ Hình thức học viên đến lớp | Kém | Trung bình | Khá | Tốt |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 2/ Số lượng học viên đến lớp (số học viên vắng) | Vắng nhiều | Vắng ít | Học đầy đủ | Có nhiều học viên ngoài lớp theo học |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 3/ Thái độ/nhiệt tình của học viên trong giờ học | Kém | Trung bình | Nhiệt tình | Rất nhiệt tình |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 4/ Mức độ tham gia thảo luận và có ý kiến về nội dung học của học viên | Không phát biểu | Ít phát biểu | Sôi động | Rất sôi động |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 5/ Mức độ hiểu bài về kiến thức tập huấn cho học viên | Khó hiểu | Trung bình | Khá | Tốt |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 6/ Về cách tổ chức lớp tập huấn | Kém | Trung bình | Khá | Tốt |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 7/ Mức độ phù hợp với thực tế của nội dung giảng dạy đối với học viên | Không phù hợp | Ít phù hợp | Phù hợp | Rất phù hợp |
| 1 | 2 | 3 | 4 |

**Yêu cầu**: học viên đánh dấu (X) vào ô điểm được chọn

Những điều không hợp lý từ lớp tập huấn:

Những điều hay từ lớp tập huấn:

Ý kiến đóng góp của giảng viên:

*(Đính kèm các văn bản, tài liệu, hình ảnh, biểu mẫu, giấy tờ liên quan, nếu có)*

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

05-LLCN

**CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH DỰ ÁN**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Họ và tên**: | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.** Năm sinh:  **3.** Nam/Nữ: | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.** Học hàm: Năm được phong học hàm:  Học vị: Năm đạt học vị: | | | | | | | | | | | | | | |
| **5.** Chức danh nghiên cứu:  Chức vụ: | | | | | | | | | | | | | | |
| **6.** Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | | | | | | | | | |
| **7.** Điện thoại:CQ: ; NR: ; Mobile:  **8.** Fax: E-mail: | | | | | | | | | | | | | | |
| **9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án**:  Tên tổ chức :  Tên người Lãnh đạo:  Điện thoại người Lãnh đạo:  Địa chỉ tổ chức: | | | | | | | | | | | | | | |
| **10. Quá trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bậc đào tạo** | | | | **Nơi đào tạo** | | | | Chuyên môn | | | | | Năm tốt nghiệp | |
| Đại học | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Thạc sỹ | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Tiến sỹ | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Thực tập sinh khoa học | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| **11. Quá trình công tác** | | | | | | | | | | | | | |
| **Thời gian**  **(*Từ năm ... đến năm...*)** | | | **Vị trí công tác** | | Tổ chức công tác | | | | Địa chỉ Tổ chức | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
|  | | |  | |  | | | |  | | | | |
| **12. Các công trình công bố chủ yếu**  *(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến dự án đăng ký trong 5 năm gần nhất)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | Tên công trình  (*bài báo, công trình...*) | | Là tác giả hoặc  là đồng tác giả  công trình | | | Nơi công bố  (*tên tạp chí đã đăng công trình*) | | | | | | Năm công bố |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
|  | |  | |  | | |  | | | | | |  |
| **13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp**  *(liên quan đến dự án đăng ký - nÕu cã)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | Tên và nội dung văn bằng | | | | | | Năm cấp văn bằng | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | |  | | | | | |  | | | | | |
| **14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn**  *(liên quan đến dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | **Tên công trình** | | | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | | | | | | Thời gian  (*bắt đầu - kết thúc*) | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
|  |  | | |  | | | | | |  | | | |
| **15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia**  *(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | |
| *Tên đề tài,dự án,nhiệm vụ khác đã chủ trì* | | | | *Thời gian*  (bắt đầu - kết thúc) | | | *Thuộc Chương trình*  (nếu có) | | | | | *Tình trạng đề tài*  (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu) | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
| *Tên đề tài,dự án,nhiệm vụ khác đã tham gia* | | | | *Thời gian*  (bắt đầu - kết thúc) | | | *Thuộc Chương trình*  (nếu có) | | | | | *Tình trạng đề tài*  (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu) | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
|  | | | |  | | |  | | | | |  | | |
| **16. Giải thưởng**  *(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | | Hình thức và nội dung giải thưởng | | | | | | Năm tặng thưởng | | | | | |
|  | | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | | |  | | | | | |  | | | | | |
|  | | |  | | | | | |  | | | | | |
| **17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác**  ***(****liên quan đến dự án đăng ký - nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | |

*............, ngày ....... tháng ....... năm 20...*

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) DỰ ÁN  (*Xác nhận và đóng dấu*)  Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông/Bà .......................................... chủ trì (tham gia) thực hiện dự án | CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  (HOẶCTHAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)  DỰ ÁN  (*Họ tên và chữ ký*) |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

06-PHTH

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

**1. Tên đề dự án:**

Thuộc Chương trình khoa học và công nghệ (nếu có):

Mã số của Chương trình:

Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ:

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì dự án**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì dự án:

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm dự án:

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án**

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án

Địa chỉ

Điện thoại

**4. Nội dung công việc tham gia** trong dự án (*và kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp thực hiện đã được thể hiện trong bản thuyết minh dự án của hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Khi Hồ sơ được hỗ trợ, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Sở hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự án.

*......................., ngày ….tháng … năm 20….*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÁ NHÂN**  **ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  *(Họ, tên và chữ ký)* |  | **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

|  |
| --- |
| **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  07-BCTĐ  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *............., ngày …… tháng…… năm 2019* |

**BÁO CÁO NỘI DUNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

*(Phục vụ kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2019)*

**Nơi nhận báo cáo: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | **Tên nhiệm vụ:**  .......................................................................................................... .......................................................................................................... ..........................................................................................................  Mã số: .............................................................................................. | | 2. | Ngày báo cáo    .../ ..../201 | | |
|  |  |
| 2. | **Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ:** ………….. | | | | | |
| 3. | **Trưởng nhóm chuyên trách:**................................................................................................. | | | | | |
| 4. | **Phương thức thực hiện nhiệm vụ:**   * Khoán từng phần: * Khoán đến sản phẩm cuối cùng: | | | | | |
| 5. | **Báo cáo nội dung tiến độ thực hiện *(đến thời điểm báo cáo)*** | | | | | |
|  | **Đánh giá về**  **mức chất lượng**  **nội dung** | | | | |
| Theo hợp đồng | | | Thực hiện | Ghi chú |
| ***5.1. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch*** |  | | |  |  |
| *5.1.1. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch trong kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - …………………………………………………………………  ……………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| *5.1.2. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| ***5.2. Các nội dung công việc đã hoàn thành theo kế hoạch*** |  | | |  |  |
| *5.2.1. Các nội dung công việc hoàn thành theo kế hoạch trong kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| *5.2.2. Các nội dung công việc hoàn thành theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo* |  | | |  |  |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | |  |  |
| ***5.3.Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch*** | Lý do | | | | |
| *5.3.1. Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch trong kỳ báo cáo* |  | | | | |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | | | |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | | | |
| *5.3.2. Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo* |  | | | | |
| a) Nội dung 1: ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | | | |
| b) Nội dung 2:  ……………………………………………………………………- ……………………………………………………………… ..  - ………………………………………………………………  Kinh phí thực hiện |  | | | | |
| 6. | **Tự nhận xét và đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu trong kỳ báo cáo: Đánh giá các điểm chính về: *số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện và các vấn đề khác*** *(Hợp tác quốc tế, phối hợp thực hiện,..)* | | | | | |
|  | | | | | | |
| 7. | **Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong kỳ tới** | | | | | |
|  | | | | | | |
| 8. | **Kiến nghị** | | | | | |
|  | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| *Trưởng nhóm chuyên trách*  *(Họ tên, chữ ký)* | *Thủ trưởng*  *Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

08-BCKQUDĐMCN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**

*(Trang bìa trước)*

**Địa danh, tháng/năm**

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**

*(Trang phụ bìa)*

Tổ chức chủ trì: *(Tên tổ chức chủ trì)*

Chủ nhiệm: *(Học hàm, học vị, tên chủ nhiệm)*

**Địa danh, tháng/năm**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang xác nhận Báo cáo kết quả dự án

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng KH&CN nghiệm thu tại Biên bản số:

............................................., ngày ........tháng........năm............./.

|  |
| --- |
| *An Giang, ngày …… tháng …… năm ……*  **GIÁM ĐỐC** |

**LỜI CẢM ƠN** *(Nếu có)*

(Để riêng 1 trang)

**TÓM LƯỢC**

*(Kết quả dự án, không quá 01 trang A4)*

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Trang** |

**DANH SÁCH BẢNG** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên bảng** | **Trang** |

**DANH SÁCH HÌNH** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên hình** | **Trang** |

**DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT** *(Nếu có)*

**I. TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN** *(đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh, nếu có)*

Phần này lấy từ thuyết minh dự án và các văn bản điều chỉnh *(nếu có)* của các cơ quan quản lý có thẩm quyền*,* gồm:

**1. Thông tin chung về dự án:**

*1.1. Tên dự án:*

*1.2. Cấp quản lý:*

*1.3. Thời gian thực hiện:*

*1.4. Kinh phí dự kiến:*

*1.5. Chủ nhiệm dự án:*

*1.6. Thư ký dự án: (nếu có)*

*1.7. Tổ chức chủ trì:*

*1.8. Tổ chức tham gia chính: (nếu có)*

*1.9. Cán bộ thực hiện dự án:*

**2. Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án:**

Nêu ngắn gọn:

*2.1. Xuất xứ:*

*2.2. Làm rõ về quy trình kỹ thuật, công nghệ lựa chọn của dự án:*

*2.3. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án:*

**3. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai:**

Nêu ngắn gọn:

*3.1. Mục tiêu:*

*3.2. Nội dung:*

*3.3. Phương án triển khai:*

**4. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chất lượng, quy mô của sản phẩm theo hợp đồng, thuyết minh dự án đã được phê duyệt và điều chỉnh** *(nếu có)***:**

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Công tác tổ chức, quản lý điều hành để triển khai thực hiện dự án:**

Chọn điểm, chọn đối tượng, chọn hộ để tiếp nhận và triển khai thực hiện các nội dung của dự án…

**2. Kết quả thực hiện các nội dung:**

*2.1. Nghiên cứu triển khai lắp đặt và vận hành thử nghiệm:*

Liệt kê, mô tả nội dung, thời gian, đơn vị và nhân lực thực hiện các bước công việc: *(Bao gồm tiến độ thực hiện từng công việc cụ thể: chuẩn bị mặt bằng, cơ sở vật chất; khảo sát; thiết kế, đánh giá, hoàn chỉnh thiết kế; lắp đặt, vận hành thử; tổ chức lại hoạt động sản xuất: nguồn nhân lực, thông tin, tổ chức vận hành ổn định, nghiệm thu…).*

*2.2. Chuyển giao công nghệ, tập huấn kỹ thuật; đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên, công nhân, nông dân: (nếu có)*

*2.3. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động đối ứng từ các thành phần kinh tế để thực hiện dự án:*

*2.4. Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án:*

*2.5. Thông tin tuyên truyền và cơ chế để khuyến khích nhân rộng kết quả của dự án:*

*2.6. Tổng hợp kết quả đạt được của các nội dung so với hợp đồng và thuyết minh dự án:*

a) Về quy mô và số lượng:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Số lượng, quy mô theo hợp đồng và thuyết minh** | **Số lượng, quy mô thực hiện** | **% thực hiện** |
| 1 | Sản phẩm ... |  |  |  |  |
| 2 | Sản phẩm ... |  |  |  |  |
|  | ................ |  |  |  |  |

b) Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Sản phẩm** | **Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng theo hợp đồng và thuyết minh** | **Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng đạt được** |
| 1 | Sản phẩm ... |  |  |
| 2 | Sản phẩm ... |  |  |
|  | ................ |  |  |

**3. So sánh đánh giá kết quả đạt được của dự án theo các nội dung:** *(nêu tóm gọn các kết quả đạt được so với mục tiêu ban đầu của dự án, có thể lập bảng so sánh kết quả so với mục tiêu dự án)*

*3.1. Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng:*

Nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký.

*3.2. Công tác chuyển giao công nghệ, tập huấn kỹ thuật: (nếu có)*

Mức độ làm chủ được công nghệ, kỹ thuật của người tiếp nhận công nghệ, kỹ thuật; kết quả triển khai thực hiện các công nghệ, kỹ thuật; những điều chỉnh bổ sung trong các quy trình công nghệ, quy trình kỹ thuật để phù hợp với địa bàn...

*3.3. Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án:*

Phối hợp giữa cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ, tập huấn kỹ thuật và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện dự án...

*3.4. Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án:*

Kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...

*3.5. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường:*

Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường trực tiếp và gián tiếp từ kết quả dự án.

*3.6. Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án:*

Phương án duy trì và nhân rộng kết quả của dự án đối với các địa bàn tương tự.

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận:**

Đánh giá chung về kết quả đạt được và tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

**2. Kiến nghị:**

- Về kết quả đạt được;

- Về cơ chế chính sách;

- Về tổ chức quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.................., ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm dự án**  *(Họ tên, chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì dự án**  *(Chức vụ, họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO** *(Nếu có)*

Phân biệt tài liệu Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài; xếp theo thứ tự a, b, c theo họ tác giả (Tiếng Việt) hoặc tên tác giả (Tiếng nước ngoài), tên cơ quan/đơn vị

*Ví dụ:*

**Tiếng Việt**

1. Cục Thống kê tỉnh An Giang, *Niên giám thống kê năm 2009,* An Giang, 2010.
2. Lê Thanh Phong, *Bài giảng môn học Tin học ứng dụng,* Tài liệu dành cho học viên Cao học, Khoa NN&SHƯD - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 2010.
3. Lê Thanh Phong và Nguyễn Bảo Vệ, *Vai trò của Calcium trong việc tăng năng suất và phẩm chất đậu phộng (Archis hypogaea L.) trên vùng đất cát bảy núi – An Giang,* Trang thông tin Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, An Giang, 12/2010.
4. Lê Văn Khoa, *Các loại đất chính ở ĐBSCL,* Giáo trình Thổ nhưỡng, Khoa Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 1998.
5. Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, *Kỹ thuật trồng đậu phộng,* Tài liệu khuyến nông, An Giang, 2010.
6. Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ bức xạ, *GAM-Sorb: Phân bón kết hợp giữ ẩm,* Tài liệu hướng dẫn sử dụng, TP. HCM, 2007.
7. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ An Giang, *Thử nghiệm chế phẩm giữ ẩm cho đất canh tác trên địa bàn tỉnh An Giang,* Báo cáo tổng kết kế hoạch, An Giang, 2008.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, *Điều kiện tự nhiên,* Cổng thông tin điện tử, An Giang, 2008.
9. Võ Tòng Anh, Võ Tòng Xuân, Phạm Văn Quang, Nguyễn Văn Kiền, Dương Văn Nhã, Nguyễn Hoàng Quân, Phạm Xuân Phú, Huỳnh Ngọc Đức, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Văn Hiếu, Phạm Duy Tiễn, Phạm Ngọc Duyên, Lý Ngọc Thanh Xuân và Nguyễn Thị Ngọc Giang, *Chỉnh lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang tỷ lệ 1:100.000,* Báo cáo tổng kết đề tài, Trường Đại học An Giang, An Giang, 2006.
10. Vũ Công Hậu, Ngô Thế Dân và Trần Thị Dung, *Cây lạc (đậu phụng),* NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 1995.

**Tiếng Anh**

1. Bai W., H. Zhang, B. Liu, Y. Wu and J. Song, *Effects of super-absorbent polymers on the physical and chemical properties of soil following different wetting and drying cycles,* British Society of Soil Science, [Volume 26 (Issue 3), England,](file:///E:\doi\10.1111\sum.2010.26.issue-3\issuetoc) pages 253–260, 2010.
2. Sackmann G., R.W. Meyer, S. Korte and S. Schapowalow, *Super absorbent polymers,* United States Patent (5,896,890), USA, 1996.
3. Wikipedia, *USDA and UK-ADAS textural triangle,* Download from <http://en.wikipedia.org/wiki/File:USDA_and_UK-ADAS_textural_triangle.jpg>, 2011.

**PHỤ LỤC**

*(Đính kèm các văn bản, tài liệu, hình ảnh, biểu mẫu, giấy tờ liên quan, nếu có)*

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

09-BCKQSXTN-NRMH-CGCN-THKT

**BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

**HOẶC NHÂN RỘNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT**

**HIỆU QUẢ HOẶC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HOẶC TẬP HUẤN KỸ THUẬT**

*(Trang bìa trước)*

**Địa danh, tháng/năm**

UBND TỈNH AN GIANG

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN**

**TÊN DỰ ÁN VỀ SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

**HOẶC NHÂN RỘNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT**

**HIỆU QUẢ HOẶC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HOẶC TẬP HUẤN KỸ THUẬT**

*(Trang phụ bìa)*

Tổ chức chủ trì: *(Tên tổ chức chủ trì)*

Chủ nhiệm: *(Học hàm, học vị, tên chủ nhiệm)*

**Địa danh, tháng/năm**

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang xác nhận Báo cáo kết quả dự án

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng KH&CN nghiệm thu tại Biên bản số:

............................................., ngày ........tháng........năm............./.

|  |
| --- |
| *An Giang, ngày …… tháng …… năm ……*  **GIÁM ĐỐC** |

**LỜI CẢM ƠN** *(Nếu có)*

**TÓM LƯỢC**

*(Kết quả dự án, không quá 01 trang A4)*

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Trang** |

**DANH SÁCH BẢNG** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên bảng** | **Trang** |

**DANH SÁCH HÌNH** *(Nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên hình** | **Trang** |

**DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT** *(Nếu có)*

**I. TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN** *(đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh, nếu có)*

Phần này lấy từ thuyết minh dự án và các văn bản điều chỉnh *(nếu có)* của các cơ quan quản lý có thẩm quyền*,* gồm:

**1. Thông tin chung về dự án:**

*1.1. Tên dự án:*

*1.2. Cấp quản lý:*

*1.3. Thời gian thực hiện:*

*1.4. Kinh phí dự kiến:*

*1.5. Chủ nhiệm dự án:*

*1.6. Thư ký dự án: (nếu có)*

*1.7. Tổ chức chủ trì:*

*1.8. Tổ chức tham gia chính: (nếu có)*

*1.9. Cán bộ thực hiện dự án:*

**2. Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án:**

Nêu ngắn gọn:

*2.1. Xuất xứ:*

*2.2. Làm rõ về quy trình kỹ thuật, công nghệ lựa chọn của dự án:*

*2.3. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án: (nếu có)*

**3. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai:**

Nêu ngắn gọn:

*3.1. Mục tiêu:*

*3.2. Nội dung:*

*3.3. Phương án triển khai:*

**4. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chất lượng, quy mô của sản phẩm theo hợp đồng, thuyết minh dự án đã được phê duyệt và điều chỉnh** *(nếu có)***:**

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Công tác tổ chức, quản lý điều hành để triển khai thực hiện dự án:**

Chọn điểm, chọn đối tượng, chọn hộ để tiếp nhận và triển khai thực hiện các nội dung của dự án…

**2. Kết quả thực hiện các nội dung:**

*2.1. Chuyển giao công nghệ, tập huấn kỹ thuật; đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên, công nhân, nông dân: (nếu có)*

*2.2. Xây dựng mô hình: (nếu có)*

a) Mô hình .....

b) Mô hình .....

........................

*2.3. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động đối ứng từ các thành phần kinh tế để thực hiện dự án:*

*2.4. Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án: (nếu có)*

*2.5. Thông tin tuyên truyền và cơ chế để khuyến khích nhân rộng kết quả của dự án: (nếu có)*

*2.6. Tổng hợp kết quả đạt được của các nội dung so với hợp đồng và thuyết minh dự án:*

a) Về quy mô và số lượng:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Số lượng, quy mô theo hợp đồng và thuyết minh** | **Số lượng, quy mô thực hiện** | **% thực hiện** |
| 1 | Sản phẩm ... |  |  |  |  |
| 2 | Sản phẩm ... |  |  |  |  |
|  | ................ |  |  |  |  |

b) Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Sản phẩm** | **Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng theo hợp đồng và thuyết minh** | **Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng đạt được** |
| 1 | Sản phẩm ... |  |  |
| 2 | Sản phẩm ... |  |  |
|  | ................ |  |  |

**3. So sánh đánh giá kết quả đạt được của dự án theo các nội dung:** *(nêu tóm gọn các kết quả đạt được so với mục tiêu ban đầu của dự án, có thể lập bảng so sánh kết quả so với mục tiêu dự án)*

*3.1. Công tác chuyển giao công nghệ, tập huấn kỹ thuật: (nếu có)*

Mức độ làm chủ được công nghệ, kỹ thuật của người tiếp nhận công nghệ, kỹ thuật; kết quả triển khai thực hiện các công nghệ, kỹ thuật; những điều chỉnh bổ sung trong các quy trình công nghệ, quy trình kỹ thuật để phù hợp với địa bàn...

*3.2. Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng:*

Nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký.

*3.3. Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án:*

Phối hợp giữa cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ, tập huấn kỹ thuật và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện dự án...

*3.4. Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án:*

Kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...

*3.5. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường:*

Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường trực tiếp và gián tiếp từ kết quả dự án.

*3.6. Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án:*

Phương án duy trì và nhân rộng kết quả của dự án đối với các địa bàn tương tự.

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận:**

Đánh giá chung về kết quả đạt được và tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

**2. Kiến nghị:**

- Về kết quả đạt được;

- Về cơ chế chính sách;

- Về tổ chức quản lý.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.................., ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm dự án**  *(Họ tên, chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì dự án**  *(Chức vụ, họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO** *(Nếu có)*

Phân biệt tài liệu Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài; xếp theo thứ tự a, b, c theo họ tác giả (Tiếng Việt) hoặc tên tác giả (Tiếng nước ngoài), tên cơ quan/đơn vị

*Ví dụ:*

**Tiếng Việt**

1. Cục Thống kê tỉnh An Giang, *Niên giám thống kê năm 2009,* An Giang, 2010.
2. Lê Thanh Phong, *Bài giảng môn học Tin học ứng dụng,* Tài liệu dành cho học viên Cao học, Khoa NN&SHƯD - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 2010.
3. Lê Thanh Phong và Nguyễn Bảo Vệ, *Vai trò của Calcium trong việc tăng năng suất và phẩm chất đậu phộng (Archis hypogaea L.) trên vùng đất cát bảy núi – An Giang,* Trang thông tin Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, An Giang, 12/2010.
4. Lê Văn Khoa, *Các loại đất chính ở ĐBSCL,* Giáo trình Thổ nhưỡng, Khoa Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 1998.
5. Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang, *Kỹ thuật trồng đậu phộng,* Tài liệu khuyến nông, An Giang, 2010.
6. Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ bức xạ, *GAM-Sorb: Phân bón kết hợp giữ ẩm,* Tài liệu hướng dẫn sử dụng, TP. HCM, 2007.
7. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ An Giang, *Thử nghiệm chế phẩm giữ ẩm cho đất canh tác trên địa bàn tỉnh An Giang,* Báo cáo tổng kết kế hoạch, An Giang, 2008.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, *Điều kiện tự nhiên,* Cổng thông tin điện tử, An Giang, 2008.
9. Võ Tòng Anh, Võ Tòng Xuân, Phạm Văn Quang, Nguyễn Văn Kiền, Dương Văn Nhã, Nguyễn Hoàng Quân, Phạm Xuân Phú, Huỳnh Ngọc Đức, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Văn Hiếu, Phạm Duy Tiễn, Phạm Ngọc Duyên, Lý Ngọc Thanh Xuân và Nguyễn Thị Ngọc Giang, *Chỉnh lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang tỷ lệ 1:100.000,* Báo cáo tổng kết đề tài, Trường Đại học An Giang, An Giang, 2006.
10. Vũ Công Hậu, Ngô Thế Dân và Trần Thị Dung, *Cây lạc (đậu phụng),* NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 1995.

**Tiếng Anh**

1. Bai W., H. Zhang, B. Liu, Y. Wu and J. Song, *Effects of super-absorbent polymers on the physical and chemical properties of soil following different wetting and drying cycles,* British Society of Soil Science, [Volume 26 (Issue 3), England,](file:///E:\doi\10.1111\sum.2010.26.issue-3\issuetoc) pages 253–260, 2010.
2. Sackmann G., R.W. Meyer, S. Korte and S. Schapowalow, *Super absorbent polymers,* United States Patent (5,896,890), USA, 1996.
3. Wikipedia, *USDA and UK-ADAS textural triangle,* Download from <http://en.wikipedia.org/wiki/File:USDA_and_UK-ADAS_textural_triangle.jpg>, 2011.

**PHỤ LỤC**

*(Đính kèm các văn bản, tài liệu, hình ảnh, biểu mẫu, giấy tờ liên quan, nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **HỘI ĐỒNG**  **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

10-NXHĐ

**DỰ ÁN CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**- Tên dự án:**

**- Tên tổ chức đăng ký hoặc tên cá nhân chủ trì:**

**- Họ và tên người nhận xét**:

**- Chức vụ và nơi công tác:**

**- Học hàm, học vị:**

**- Chức danh trong hội đồng:**

**II. Ý KIẾN NHẬN XÉT:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí nhận xét** | ***Nhận xét của thành viên Hội đồng*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá chung** |  | | | | |
| - Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án. |
| - Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai** |  | | | | |
| - Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước. |
| - Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ. |
| - Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ. |
| - Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Giá trị của công nghệ** |  | | | | |
| - Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước. |
| - Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án. |
| - Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Lợi ích của dự án** |  | | | | |
| **-** Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ. |
| - Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án. |
| - Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án. |
| - Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Phương án tài chính** |  | | | | |
| - Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện. |
| - Sự phù hợp của tổng dự toán. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực thực hiện** |  | | | | |
| - Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia. |
| - Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính. |
| **Ý kiến nhận xét tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của thành viên Hội đồng theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của thành viên Hội đồng:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện.

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên (nếu có):*

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

*……………………, ngày.........tháng........năm 20*

***Người nhận xét***

*(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên)*

11-PĐGHĐ

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **HỘI ĐỒNG**  **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**- Tên dự án:**

**- Tên tổ chức đăng ký hoặc tên cá nhân chủ trì:**

**- Họ và tên người đánh giá:**

**- Chức vụ và nơi công tác:**

**- Học hàm, học vị:**

**- Chức danh trong hội đồng:**

**II. Ý KIẾN NHẬN XÉT:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Thành viên Hội đồng đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá chung** |  | | | | |  |  |  | 8 |
| - Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án. | 1 |
| - Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh. | 1 |
| **2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai** |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước. | 1 |
| - Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ. | 1 |
| - Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ. | 2 |
| - Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai. | 2 |
| **3. Giá trị của công nghệ** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước. | 1 |
| - Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án. | 2 |
| - Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ. | 1 |
| **4. Lợi ích của dự án** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| **-** Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ. | 1 |
| - Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án. | 1 |
| - Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án. | 1 |
| - Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án. | 1 |
| **5. Phương án tài chính** |  | | | | |  |  |  | 20 |
| - Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện. | 3 |
| - Sự phù hợp của tổng dự toán. | 2 |
| **6. Năng lực thực hiện** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia. | 2 |
| - Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính. | 2 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của thành viên Hội đồng theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

\* Dự án phải đạt số điểm trung bình tối thiểu là 70/100 điểm. Trong đó, không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

**Kiến nghị của thành viên Hội đồng:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị thực hiện.

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

Đề nghị không thực hiện.

**III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ: (đề nghị thành viên Hội đồng có ý kiến tại cuộc họp):**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *An Giang, ngày tháng năm 201…*  **Người nhận xét**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

12-KPĐG

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **HỘI ĐỒNG**  **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *An Giang, ngày tháng năm 2019* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên dự án:**  **Tên tổ chức:**  **Họ và tên cá nhân:** | |
| **1. Số phiếu phát ra:** | **2. Số phiếu thu về:** |
| **3. Số phiếu hợp lệ:** | **4. Số phiếu không hợp lệ:** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên Thành viên** | | **Tiêu chí đánh giá** | | | | | | | **Tổng số điểm** |
| Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | | Tiêu chí 5 | Tiêu chí 6 |
| 1 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 2 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 3 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 4 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 5 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 6 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 7 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 8 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
| 9 |  | |  |  |  |  | |  |  |  |
|  | **Tổng số**  **điểm trung bình** | |  |  |  |  | |  |  |  |
| **Các thành viên ban kiểm phiếu** | | | | | | | **Trưởng ban kiểm phiếu** | | | |
| **Thành viên thứ 1** | | **Thành viên thứ 2** | | | | |

13-THKPĐG

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **HỘI ĐỒNG**  **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *An Giang, ngày tháng năm 2019* |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**Tên dự án:**

**Tên tổ chức đăng ký hoặc tên cá nhân chủ trì:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức và cá nhân chủ trì dự án SXTN** | **Tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thành viên ban kiểm phiếu** | | **Trưởng ban kiểm phiếu**  *(Họ, tên và chữ ký)* |
| **Thành viên thứ 1**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thành viên thứ 2**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG**  **TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ** | 14-THNXTĐKP  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

1. **BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**
2. **DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

Căn cứ …………………………………………………………………………......

……………………………………………………………………………………

**A. Thông tin chung**

**1. Tên dự án**: ..................................................................................................................

Thuộc: Dự án KH&CN:

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ từ Nguồn sự nghiệp khoa học trước khi thẩm định là ………….. đồng. Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ công nghệ: …………………… đồng.

- Chi khác: ……………………. đồng.

**2. Cơ quan chủ trì:**

**3. Chủ nhiệm dự án:**

**4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:**

- Địa điểm:………………………………………………..

- Thời gian:……giờ, ngày……..tháng……năm………….

**5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:** ……/…..

Vắng mặt: người; Họ và tên: ……………………………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ và Cơ quan công tác** | **Thành phần** | **Ký tên** |
| 1 | ………………. | ……………………….. | Tổ trưởng |  |
| 2 | …………………… | ……………………….. | Thành viên |  |
| … | ………………… | ……………………….. | Thành viên |  |
|  | ………………. | ………………………. | TKHC |  |
|  | ……………….. | ……………………. | TKHC |  |

**6. Đại biểu tham dự:**

**B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định:** *(thư ký hành chính ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định).*

**C. Kết luận của Tổ thẩm định**

***1. Nội dung chuyên môn:***

1.1. Mục tiêu của dự án *(Ghi cụ thể)*:

1.2 Các nội dung nghiên cứu mới, nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ *(Ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)*:

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a. Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*:

b. Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

c. Hợp tác quốc tế *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

d. Thiết bị, máy móc *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*:

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chất lượng đối với sản phẩm (*Ghi cụ thể các sản phẩm chính*):

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện:…. tháng:

***2. Về kinh phí thực hiện:***

2.1. Tổng kinh phí cần thiết: .................... *triệu đồng*

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: .................................. *triệu đồng*

*(Bằng chữ: .................................................................................. đồng)*

+ Kinh phí từ các nguồn khác: ........................... *triệu đồng*

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung**  **Các khoản chi** | **Kinh phí NSNN** | | | ***Ghi chú*** |
| **Kinh phí** | | **Tỷ lệ**  *( %)* |
| 1 | Thiết bị, máy móc | |  |  |  |
| 2 | Kinh phí hỗ trợ công nghệ | |  |  |  |
| 3 | Nguyên vật liệu năng lượng | |  |  |  |
| 4 | Tập huấn | |  |  |  |
| 5 | ……………….. | |  |  |  |
| 6 | Chi khác | |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | |  |  |

2.3 Các ý kiến nghị khác (nếu có):

Biên bản được lập xong lúc…….giờ, ngày ……tháng……năm…… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thư ký** | | **Tổ trưởng** | | |
|  |  | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  15-NXHĐNT  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *An giang, ngày … tháng … năm 201…* |

**PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**1. Tên dự án**:

Chủ nhiệm:

Cơ quan/Tổ chức chủ trì:

**2. Chuyên gia nhận xét:**

Họ và tên:

Chức danh khoa học, học vị:

Thành phần hội đồng:

**3. Nhận xét:**

3.1.Về báo cáo tổng hợp kết quả của dự án:

*(Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, lô-gíc của báo cáo tổng hợp; tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của dự án; tác động của kết quả đối với kinh tế, xã hội,….Để kết luận, chuyên gia chỉ rõ bản báo cáo đã hoàn thiện chưa? Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu)*

3.2. Về số lượng, khối lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm so với mục tiêu của dự án:

*(Căn cứ vào mục tiêu của dự án, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ thực hiện dự án so với với Quyết định đã ký)*

3.3. Về tiến độ thực hiện:

*(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)*

**4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

Đạt

Lý do cụ thể: đáp ứng các mục tiêu đặt ra

Không đạt

Lý do cụ thể (cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với Quyết định đã ký)

**5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết** *(bắt buộc):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI NHẬN XÉT** |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU CẤP TỈNH** | 16-PĐGKQDA  **CỘNG HOÀ XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *An Giang, ngày … tháng … năm 201…* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Thuộc Chương trình:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia đánh giá:**

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

- Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày … tháng …… năm 20…*

**3. Đánh giá:**

**A. Đánh giá báo cáo tổng hợp:**

Xuất sắc: Báo cáo tổng hợp đă hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu tại mục b, khoản 1, Điều 38 *(Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với đặt hàng, bao gồm: số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm).*

Đạt: Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

**B. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng, khối lượng sản phẩm** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … | ………………….. | …………………… |  |  |  |  |  |

**C. Đánh giá về chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Chất lượng** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … | ………….. | …………………….. |  |  |  |  |  |

**D. Đánh giá về chủng loại sản phẩm:**

Xuất sắc: Khi số lượng chủng loại vượt mức theo đặt hàng

Đạt: Khi số lượng chủng loại đủ theo đặt hàng

Không đạt: Khi không đáp ứng đặt hàng

**E. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ:**

Nộp đúng hạn:

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng:

Nộp chậm trên 06 tháng:

**4. Xếp loại nhiệm vụ** *(đánh dấu* X *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Xuất sắc**: Khi 100% tiêu chí về sản phẩm đều đạt xuất sắc, báo cáo tổng hợp đạt yêu cầu trở lên |  |
| * **Đạt yêu cầu***: đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau*   + Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.  + Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).  + Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên |  |
| * **Không đạt**: không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng |  |

**5. Ý kiến đánh giá khác** *(nếu có):*

*……………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………….*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU CẤP TỈNH** | 17-PCĐKQDA  **CỘNG HÒA XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *An Giang, ngày tháng năm 20……* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ: - Mã số nhiệm vụ:

- Thuộc Chương trình:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia đánh giá:**

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

- Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày … tháng …… năm 20…*

**3. Đánh giá:**

**A. Đánh giá báo cáo tổng hợp:**

Xuất sắc: Báo cáo tổng hợp đă hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu tại mục b, khoản 1, Điều 38

Đạt: Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

**B. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng, khối lượng sản phẩm** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … | *…………………* | …………………. |  |  |  |  |  |

**C. Đánh giá về chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Chất lượng** | | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | | |
| **Đạt** | **Xuất sắc** | **Không đạt** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … | *……………* | …………………. |  |  |  |  |  |

**D. Đánh giá về chủng loại sản phẩm:**

Xuất sắc: Khi số lượng chủng loại vượt mức theo đặt hàng

Đạt: Khi số lượng chủng loại đủ theo đặt hàng

Không đạt: Khi không đáp ứng đặt hàng

**E. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ:**

Nộp đúng hạn:

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng:

Nộp chậm trên 06 tháng:

**4. Xếp loại nhiệm vụ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm** |
| **1** | **Mức độ hoàn thành khối lượng, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (so với đề cương nghiên cứu được duyệt và hợp đồng thực hiện)** | **40** |  |
| 1.1 | Tính đầy đủ về số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm | 20 |  |
| 1.2 | Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát... | 10 |  |
| 1.3 | Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ... | 10 |  |
| **2** | Giá trị khoa học (tính mới, sáng tạo…) | **10** |  |
| **3** | Giá trị ứng dụng vào thực tế quản lý, sản xuất và đời sống | **40** |  |
| 3.1 | Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng | 20 |  |
| 3.2 | Đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường | 20 |  |
| **4** | Đánh giá về tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp, thời gian thực hiện, chi tiêu tài chính… | **10** |  |
|  | Tổng cộng: | **100** |  |

**5. Ý kiến đánh giá khác** *(nếu có):*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ,**  **NGHIỆM THU CẤP TỈNH** | **CỘNG HÒA XĂ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  18-BBKPKQDA  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 20…..* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Mã số nhiệm vụ:

- Loại nhiệm vụ:

+ Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

+ Nhiệm vụ khoa học xă hội và nhân văn:

- Thuộc Chương trình: Khoa học học và Công nghệ

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Kết quả đánh giá:**

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ủy viên** | **Tiêu chí đánh giá** | | | | **Tổng số điểm** |
| Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số điểm trung bình** |  |  |  |  |  |

**3. Xếp loại nhiệm vụ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thang điểm** | **Kết luận** |
| Xuất sắc | - Có tổng số điểm trung bình từ 91 đến 100 điểm |  |
| Khá | - Có tổng số điểm trung bình từ 71 đến 90 điểm |  |
| Trung bình | - Có tổng số điểm trung bình từ 50 đến 70 điểm |  |
| Không đạt | - Có tổng số điểm trung bình dưới 50 điểm |  |

**\* Ghi chú:** Dự án phải đạt số điểm trung bình tối thiểu là 50/100 điểm. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU** | **ỦY VIÊN TỔ KIỂM PHIẾU** |
| *(Họ, tên và chữ ký)* | *(Họ, tên và chữ ký)* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

19-BBKTTĐ

**BIÊN BẢN**

V/v giám sát Dự án ………………………………………….

……………………………………………

Hôm nay, vào lúc ........................ ngày ......, tháng ......, năm …, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức giám sát “ ………………………………………………………………

………………………………………………………………………………….” theo dự án: …………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………….

**Thành phần tham dự:**

....................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................

**Địa điểm khảo sát:**

Địa chỉ:.......................................................................................................................................

……………………....................................................................................................................

**Tiến độ thực hiện:**

………………………................................................................................................................

………………………………....................................................................................................

....................................................................................................................................................

**Kết quả giám sát:**

....................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................

**Ý kiến của đoàn giám sát** .........................................................................................................

....................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................

**Ý kiến của chủ nhiệm dự án:**

...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

**Sở Khoa học và Công nghệ Các thành viên khảo sát**

20-CCTTUDKQDA

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN *(nếu có)*  **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | …*............., ngày …… tháng …… năm.......* |

|  |  |
| --- | --- |
| *Báo cáo lần thứ:* |  |
|  |  |

**PHIẾU THÔNG TIN VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**(Theo Quyết định …./QĐ-UBND ngày …/…/201… của UBND tỉnh)**

**I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG**

1.1. Tên dự án: ..................................................................................................

1.2. Loại hình: *(đánh dấu vào mục phù hợp)*

|  |  |
| --- | --- |
|  Dự án ƯDĐMCN |  Dự án NRM |
|  Dự án SXTN |  Dự án CGCN |
|  Dự án THKT |  Dự án khác |

1.3. Tổ chức chủ trì: ...............................................................................................

1.4. Họ và tên chủ nhiệm: .......................................................................................

1.5. Ngày được đánh giá nghiệm thu: …………………………............................

1.6. Giấy đăng ký kết quả thực hiện dự án: …………………………………….

Ngày cấp: ………………………… Cơ quan cấp: .................................................

1.7. Tổ chức chủ quản của tổ chức chủ trì dự án *(nếu có)*: ....................................

1.8. Mô tả nội dung ứng dụng kết quả của dự án:

Mô tả ngắn gọn những ứng dụng của kết quả của dự án *(đã ứng dụng như thế nào; ứng dụng vào lĩnh vực, hoạt động gì; có chuyển giao quy trình kỹ thuật, công nghệ không)*

.................................................................................................................................

1.9. Nêu hiệu quả kinh tế, tác động kinh tế, xã hội, môi trường mà những ứng dụng kết quả của dự án mang lại (nếu có):

…………………………………………………………………………………….

**II. PHẦN THÔNG TIN CHI TIẾT**

2.1. Địa chỉ/Cơ sở mà kết quả của Dự án được áp dụng vào thực tế hoặc nhân rộng áp dụng*(có áp dụng thêm hoặc chuyển giao mô hình, giải pháp cho địa phương/đơn vị/cơ sở khác không):*

.................................................................................................................................

2.2. Hiệu quả của việc áp dụng, nhân rộng mô hình, giải pháp:

.................................................................................................................................

2.3. Hình thức nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án:

.................................................................................................................................

2.4. Quy mô hoặc sự phát triển của sản phẩm, quy trình kỹ thuật, công nghệ dựa từ kết quả của dự án:

.................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC/NGƯỜI BÁO CÁO KẾT QUẢ** *(Chức vụ, chữ ký, họ tên và đóng dấu, nếu có)* |

1. *1 Một tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng* [↑](#footnote-ref-1)
2. *1 Một tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng* [↑](#footnote-ref-2)
3. *2 Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc*  [↑](#footnote-ref-3)
4. *1 Một tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng* [↑](#footnote-ref-4)